

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST
Ngày: 19/9/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Dung

Bà Tạ Thị Thà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2023/TLST-DS ngày 16/01/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXX-DS ngày 26/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-DS ngày 22/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S;

Trụ sở: .., phường V, Quận .., thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Việt B - Trưởng phòng giao dịch P (theo Quyết định số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng giám đốc) (có mặt).

Địa chỉ nhận thông báo: .., phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Ông Bùi Đức H, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Nơi cư trú: tòa N, dự án L, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng S do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Ngày 27/11/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD P và ông Bùi Đức H đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1833100217 với số tiền vay là: 150.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất: 06 tháng đầu lãi suất cố định 13,5%/năm, từ tháng 07 trở đi bằng $LV13+6,77\%/năm$, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần. Căn cứ vào đối tượng khách hàng là cán bộ viên chức nhà nước và thu nhập của ông H, cùng ngày Ngân hàng đã đồng ý cấp món vay tiêu dùng cho ông H với số tiền là 150.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản.

- Ngày 20/12/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H và ông Bùi Đức H đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1835400111 với số tiền vay là: 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất: 03 tháng đầu lãi suất cố định 14,5%/năm, từ tháng 04 trở đi bằng $LV13+6,77\%/năm$, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần. Căn cứ vào đối tượng khách hàng là cán bộ viên chức nhà nước và thu nhập của ông H, cùng ngày Ngân hàng đã đồng ý cấp món vay tiêu dùng cho ông H với số tiền là 100.000.000 đồng bằng hình thức nhận tiền mặt.

- Ngày 24/12/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H và ông Bùi Đức H đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1835800105 với số tiền vay là: 70.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất: 18,0%/năm cố định trong 3 tháng đầu, từ tháng 04 trở đi bằng $LV13+10,5\%/năm$, điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần. Căn cứ vào đối tượng khách hàng là cán bộ viên chức nhà nước và thu nhập của ông H, cùng ngày Ngân hàng đã đồng ý cấp món vay tiêu dùng cho ông H với số tiền là 150.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông H.

- Ngày 26/7/2019, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H và ông Bùi Đức H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1920700287 với số tiền vay là: 30.000.000 đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng; thời hạn cho vay: 24 tháng; lãi suất 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân lần đầu là 20,5%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi bằng lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân loại tiền VNĐ kỳ hạn 13 tháng tính lãi cuối kỳ do Sacombank công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ cố định 13%/năm, được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần. Căn cứ vào đối tượng khách hàng là cán bộ viên chức nhà nước và thu nhập của ông H, cùng ngày Ngân hàng đã đồng ý cấp món vay tiêu dùng cho ông H với số tiền là 30.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông H.

- Ngày 27/3/2020, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H và ông Bùi Đức H đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2008700257 với số tiền vay là 25.000.000 đồng; thời hạn vay: 24 tháng, mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất 03 tháng đầu tiên kể từ ngày nhận nợ lần đầu tiên là 20,5%/năm,

từ tháng thứ 4 trở đi bằng lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân loại tiền VNĐ kỳ hạn 13 tháng tính lãi cuối kỳ do Sacombank công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ cố định 13%/năm, được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần. Căn cứ vào đối tượng khách hàng là cán bộ viên chức nhà nước và thu nhập của ông H, cùng ngày Ngân hàng đã đồng ý cấp món vay tiêu dùng cho ông H với số tiền là 25.000.000 đồng bằng hình thức nhận trực tiếp.

- Ngoài ra, ngày 03/08/2018 Ngân hàng S - CN Hưng Yên - PGD H và ông Bùi Đức H có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với số tiền là: 50.000.000 đồng. Căn cứ thu nhập của ông H, cùng ngày Ngân hàng S - CN Hưng Yên - PGD H chấp thuận đề nghị của ông H và phê duyệt cấp thẻ tín dụng số 9036-Family Credit EMV cho ông H với hạn mức 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Kèm theo hợp đồng là bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 341.140.000 đồng. Tổng số tiền ông H đã trả tính đến ngày 22/11/2020 là 314.212.529 đồng. Từ tháng 11/2020 ông H ngừng thanh toán nợ. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 22/12/2020.

Tính từ kỳ trả nợ gốc, lãi của các hợp đồng trên, từ tháng 12 năm 2020 ông Bùi Đức H đã không thanh toán nợ gốc và lãi theo cam kết và dừng hẳn việc thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng khách hàng vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ông Bùi Đức H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ theo cam kết, vi phạm khoản 6 Điều 1: “Lãi suất, giải ngân, thu nợ” ở tại Phụ lục các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng số LD18333100217 ngày 27/11/2018 và Hợp đồng số LD1835400111 ngày 20/12/2018.

Ông Bùi Đức H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ theo cam kết, vi phạm khoản 3 Điều 1: “Lãi suất, giải ngân, thu nợ” ở tại Phụ lục các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng số LD1835800105 ngày 24/12/2018.

Ông Bùi Đức H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ theo cam kết, vi phạm khoản 2.1 Điều 2: “Thu nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn, xử lý nợ” tại Phụ lục các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng số LD 1920700287 ngày 26/7/2019.

Ông Bùi Đức H đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký và vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng).

Hiện nay, toàn bộ số dư nợ gốc và nợ lãi của ông Bùi Đức H đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/7/2023, ông H còn nợ các khoản sau:

STT	Hợp đồng	Nợ gốc (Đơn vị tính: đồng)	Lãi trong hạn (Đơn vị tính: đồng)	Lãi quá hạn (Đơn vị tính: đồng)
-----	----------	-------------------------------	--------------------------------------	------------------------------------

1	LD1833100217	49.996.104	3.667.926	12.916.626
2	LD1835400111	36.129.000	2.885.168	8.976.303
3	LD1835800105	25.288.000	2.575.062	8.012.978
4	LD1920700287	10.000.000	757.707	4.292.967
5	LD2008700257	16.672.000	2.334.726	5.414.764
Tổng		138.085.104	12.220.589	39.613.638

Tổng cộng: 189.919.331 đồng.

Ngoài ra, ông Bùi Đức H còn được Ngân hàng S - CN Hưng Yên - PGD H cấp hạn mức Thẻ tín dụng cụ thể như sau: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/08/2018 với hạn mức là 50.000.000 đồng. Dư nợ đến ngày 24/7/2023 là 124.357.161 đồng, trong đó nợ gốc là 58.931.367 đồng, tiền lãi quá hạn là 65.425.794 đồng. Hiện món vay thẻ tín dụng của ông Bùi Đức H cũng đã bị chuyển quá hạn nhóm 5 tại Ngân hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với ông H yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Do đó, Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Bùi Đức H phải trả cho Ngân hàng S tính đến hết ngày 24/7/2023 tổng số tiền là: 314.276.492 đồng, trong đó:

+ Món vay tín chấp là 189.919.331 đồng, trong đó: nợ gốc là 138.085.104 đồng, lãi trong hạn quá hạn là 12.220.589 đồng, lãi quá hạn là 39.613.638 đồng.

+ Món vay Thẻ tín dụng là 124.357.161 đồng, trong đó nợ gốc là 58.931.367 đồng, tiền lãi quá hạn là 65.425.794 đồng.

+ Và toàn bộ các khoản lãi, chi phí phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

* Bị đơn là ông Bùi Đức H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tại tòa N, dự án L, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Bùi Đức H nhưng không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho ông Bùi Đức H.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội được cung cấp: ông Bùi Đức H, sinh năm 1969, có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: tòa N, dự án L, phường M, quận H, thành phố Hà Nội, nhưng từ đầu năm 2021 cho đến nay ông H không còn sinh sống tại địa chỉ trên, việc ông H chuyển đi đâu thì công an phường không nắm được.

Do vậy, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn là ông Bùi Đức H gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa để ông H biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, ông H không có mặt theo thông báo triệu tập để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Đồng thời, trên cơ sở yêu cầu của Ngân hàng S, Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian, địa điểm mở phiên họp hòa giải và mở phiên tòa nhưng bị đơn cũng không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Bùi Đức H phải trả Ngân hàng S tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi của các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 19/9/2023 là 318.643.319 đồng, gồm: Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1833100217 ngày 27/11/2018, Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1835400111 ngày 20/12/2018, Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1835800105 ngày 24/12/2018, Hợp đồng tín dụng số LD1920700287 ngày 26/7/2019, Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2008700257 ngày 27/3/2020 tổng số tiền là 189.919.331 đồng, trong đó: nợ gốc là 138.085.104 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.220.589 đồng, nợ lãi quá hạn là 39.613.638 đồng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/08/2018 tổng số tiền là 128.723.988 đồng, trong đó: nợ gốc là 58.931.367 đồng, nợ lãi quá hạn là 69.792.621 đồng. Tiếp tục tính lãi của số tiền nợ gốc trên theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông H thực tế thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: xét Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1833100217 ngày 27/11/2018, Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1835400111 ngày 20/12/2018, Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận

nợ số LD1835800105 ngày 24/12/2018, Hợp đồng tín dụng số LD1920700287 ngày 26/7/2019, Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2008700257 ngày 27/3/2020, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/08/2018 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng S yêu cầu bị đơn là ông Bùi Đức H trả nợ gốc và tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông H phải trả tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi của các hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 19/9/2023 là 318.643.319 đồng. Về án phí: ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Bùi Đức H, cư trú tại: tòa N, dự án L, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Bị đơn là ông Bùi Đức H không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Đức H.

[3] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

- Ngày 27/11/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H và ông Bùi Đức H đã ký Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1833100217 với số tiền vay: 150.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng; mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng; lãi suất: 06 tháng đầu lãi suất cố định 13,5%/năm, từ tháng 07 trở đi bằng $LV13+6,77\%$ năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; kỳ trả lãi: 05 hàng tháng; phương thức trả nợ: gốc và lãi trả hàng tháng, lãi trả trên dư nợ thực tế; hình thức giải ngân: chuyển khoản. Đính kèm hợp đồng là các điều khoản chung về cấp tín dụng, tại Điều 1.2 quy định: Trường hợp chậm trả nợ gốc, bên được cấp tín dụng đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà bên được cấp tín dụng không trả đúng hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo quy định trong hợp đồng này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Ngày 20/12/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H và ông Bùi Đức H đã ký Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1835400111 với số tiền vay là: 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng; mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng; lãi suất: 03 tháng đầu lãi suất cố định 14,5%/năm, từ tháng 04 trở đi bằng $LV13+6,77\%$ năm, lãi suất được điều chỉnh

03 tháng/lần; kỳ trả lãi: 05 hàng tháng; phương thức trả nợ: gốc và lãi trả hàng tháng, lãi trả trên dư nợ thực tế; hình thức giải ngân: nhận tiền mặt. Đính kèm hợp đồng là các điều khoản chung về cấp tín dụng, tại khoản 1.2 Điều 1 quy định: Trường hợp chậm trả nợ gốc, bên được cấp tín dụng đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà bên được cấp tín dụng không trả đúng hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo quy định trong hợp đồng này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Ngày 24/12/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H và ông Bùi Đức H đã ký Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1835800105, với số tiền vay là: 70.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng; mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng; lãi suất: 18,0%/năm cố định trong 3 tháng đầu, từ tháng 04 trở đi bằng LV13+10,5%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, hình thức giải ngân: chuyển khoản. Đính kèm hợp đồng là các điều khoản chung về cấp tín dụng, tại khoản 1.3 Điều 1 quy định: Trường hợp chậm trả nợ gốc, bên vay vốn đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà bên vay vốn không trả đúng hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo quy định trong hợp đồng này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Ngày 26/7/2019, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H và ông Bùi Đức H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1920700287 với số tiền vay là 30.000.000 đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng; thời hạn cho vay: 24 tháng; lãi suất 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân lần đầu là 20,5%/năm. Đính kèm hợp đồng là các điều khoản chung về cấp tín dụng, tại khoản 2.4 Điều 2 quy định: Trường hợp chậm trả nợ gốc, bên được cấp tín dụng đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà bên được cấp tín dụng không trả đúng hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định trong hợp đồng này/giấy nhận nợ tương ứng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Cùng ngày các bên ký Giấy nhận nợ số LD1920700287 với các nội dung chủ yếu: số tiền giải ngân là 30.000.000 đồng, hình thức giải ngân là chuyển khoản, lãi suất 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân lần đầu là 20,5%/năm, từ tháng thứ 4 kể từ ngày giải ngân lần đầu lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân loại tiền VNĐ kỳ hạn 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ do Sacombank công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ cố định 13%/năm, được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần, thời hạn cho vay là 24 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 05 hàng tháng.

- Ngày 27/3/2020, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H và ông Bùi Đức H đã ký kết Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD2008700257 với các nội dung chủ yếu: số tiền cho vay là 25.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn cho vay: 24 tháng; lãi suất 03 tháng đầu tiên kể từ ngày nhận nợ lần đầu tiên là 20,5%/năm, từ tháng thứ 4 kể từ ngày nhận nợ lần đầu tiên, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân loại tiền VNĐ kỳ hạn 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ do Sacombank công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ cố định 13%/năm, được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần; ngày trả nợ: trả nợ gốc và lãi ngày 05 hàng tháng; Trường hợp chậm trả nợ gốc, bên vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ

gốc quá hạn mà bên vay không trả đúng hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Ngày 03/8/2018 ông Bùi Đức H ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Cùng ngày 03/8/2018 Ngân hàng S - CN Hưng Yên - PGD H chấp thuận đề nghị của ông H và phê duyệt cấp thẻ tín dụng cho ông H hạn mức là 50.000.000 đồng. Kèm theo hợp đồng là bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 21/9/2015.

Xét việc hai bên xác lập các hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên các hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc:

- Thực hiện Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1833100217 ngày 27/11/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H đã giải ngân cho ông Bùi Đức H vay tiền theo phương thức chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi của chủ tài khoản là ông Phạm Thế L với số tiền là 150.000.000 đồng thông qua Phiếu chuyển khoản ngày 27/11/2018. Toàn bộ số tiền gốc đã được Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi của ông Phạm Thế L tại Sacombank Hưng Yên theo đúng thỏa thuận. Cùng ngày 27/11/2018, Ngân hàng ra Phụ lục lịch trả nợ, đã thông báo cho bên vay phải thanh toán số tiền gốc trong vòng 36 tháng cho Ngân hàng vào ngày 05 hàng tháng, với số tiền trả hàng tháng là 4.166.000 đồng, kỳ cuối trả 4.190.000 đồng.

Quá trình thực hiện Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1833100217 ngày 27/11/2018, ông H đã trả được 100.003.896 đồng tiền gốc. Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và yêu cầu thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, số tiền gốc ông H chưa trả là 150.000.000 đồng - 100.003.896 đồng = 49.996.104 đồng.

- Thực hiện Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1835400111 ngày 20/12/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H đã giải ngân cho ông H vay tiền bằng hình thức nhận tiền mặt với số tiền gốc được vay là 100.000.000 đồng theo Giấy lĩnh tiền ngày 20/12/2018. Cùng ngày 20/12/2018, Ngân hàng ra Phụ lục lịch trả nợ, đã thông báo cho bên vay phải thanh toán số tiền gốc trong vòng 36 tháng với số tiền phải trả mỗi kỳ là 2.777.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng, kỳ cuối trả 2.805.000 đồng vào ngày 20/12/2021.

Quá trình thực hiện Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1835400111 ngày 20/12/2018, ông H đã trả được 23 kỳ với số tiền là 63.871.000 đồng tiền gốc, đến kỳ ngày 05/12/2020 ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu thực hiện đúng và

đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, số tiền gốc ông H chưa trả là 100.000.000 đồng - 63.871.000 đồng = 36.129.000 đồng.

- Thực hiện Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1835800105 ngày 24/12/2018, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H đã giải ngân cho ông H vay tiền với số tiền là 70.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông H theo Phiếu chuyển khoản ngày 24/12/2018. Cùng ngày 24/12/2018, Ngân hàng ra Phụ lục lịch trả nợ, đã thông báo cho bên vay phải thanh toán số tiền gốc trong vòng 36 tháng với số tiền phải trả mỗi kỳ là 1.944.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng, kỳ cuối trả 1.960.000 đồng vào ngày 24/12/2021.

Quá trình thực hiện Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1835800105 ngày 24/12/2018, ông H mới đã trả được 23 kỳ với số tiền là 44.712.000 đồng tiền gốc, đến kỳ ngày 05/12/2020 ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, số tiền gốc ông H chưa trả là: 70.000.000 đồng - 44.712.000 đồng = 25.288.000 đồng.

- Thực hiện Hợp đồng tín dụng số LD1920700287 ngày 26/7/2019 và Giấy nhận nợ số LD1920700287 ngày 26/7/2019, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H đã giải ngân cho ông H vay tiền với số tiền là 30.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông H theo Phiếu chuyển khoản ngày 26/7/2019. Cùng ngày 26/7/2019, Ngân hàng ra Phụ lục lịch trả nợ, đã thông báo cho bên vay phải thanh toán số tiền gốc trong vòng 24 tháng với số tiền phải trả mỗi kỳ là 1.250.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng, kỳ cuối trả vào ngày 26/7/2021.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số LD1920700287 ngày 26/7/2019 và Giấy nhận nợ số LD1920700287 ngày 26/7/2019, ông H đã trả được 16 kỳ với số tiền là 20.000.000 đồng tiền gốc, đến kỳ ngày 5/12/2020 ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, số tiền gốc ông H chưa trả là 30.000.000 đồng - 20.000.000 đồng = 10.000.000 đồng.

- Thực hiện Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD2008700257 ngày 27/3/2020, Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H đã giải ngân cho ông H vay tiền bằng tiền mặt với số tiền là 25.000.000 đồng theo Giấy rút tiền ngày 27/3/2020. Cùng ngày 27/3/2020, Ngân hàng ra Phụ lục lịch trả nợ, đã thông báo cho bên vay phải thanh toán số tiền gốc trong vòng 24 tháng với số tiền phải trả mỗi kỳ là 1.041.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng, kỳ cuối trả 1.057.000 đồng vào ngày 27/3/2022.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD2008700257 ngày 27/3/2020, ông H đã trả được 8 kỳ với số tiền là 8.328.000 đồng tiền gốc, đến kỳ ngày 5/12/2020 ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ,

nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, số tiền gốc ông H chưa trả là 25.000.000 đồng - 8.328.000 đồng = 16.672.000 đồng.

- Sau khi ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2018 và được Ngân hàng S - Chi nhánh Hưng Yên - PGD H chấp thuận và phê duyệt cấp thẻ tín dụng cho ông H hạn mức là 50.000.000 đồng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 341.140.000 đồng, tổng số tiền ông H đã trả tính đến ngày 22/11/2020 là 314.212.529 đồng. Từ ngày 22/12/2020 ông H ngừng thanh toán nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không thanh toán 3 kỳ liên tiếp, nên Ngân hàng chốt số nợ gốc tính đến ngày 22/3/2021 là 58.931.367 đồng. Cách tính nợ gốc của Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, nên số tiền nợ gốc ông H phải trả cho Ngân hàng là 58.931.367 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc ông H chưa trả là: 49.996.104 đồng + 36.129.000 đồng + 25.288.000 đồng + 10.000.000 đồng + 16.672.000 đồng + 58.931.367 đồng = 197.016.471 đồng. Nay Ngân hàng S yêu cầu ông Bùi Đức H phải trả số tiền nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 19/9/2023 là 197.016.471 đồng. Căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc ông Bùi Đức H phải trả Ngân hàng S tổng số tiền nợ gốc là 197.016.471 đồng.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Căn cứ vào Bảng sao kê tính lãi do Ngân hàng S cung cấp, Tòa án xác định việc trả tiền lãi của ông Bùi Đức H tính đến ngày 19/9/2023 như sau:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1833100217 ngày 27/11/2018, số tiền lãi đã trả là 14.277.798 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 05/12/2020, số tiền lãi trong hạn chưa trả là 3.667.926 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 12.916.626 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1835400111 ngày 20/12/2018, số tiền lãi đã trả là 19.089.648 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 05/12/2020, số tiền lãi trong hạn chưa trả 2.885.168 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 8.976.303 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1835800105 ngày 24/12/2018, số tiền lãi đã trả là 16.588.792 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 05/12/2020, số tiền lãi trong hạn chưa trả 2.575.062 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 8.012.978 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD1920700287 ngày 26/7/2019, số tiền lãi đã trả là 5.406.937 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 05/12/2020, số tiền lãi trong hạn chưa trả 757.707 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 4.292.967 đồng.

- Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD2008700257 ngày 27/3/2020, số tiền lãi đã trả là 2.657.149 đồng; bị chuyển quá hạn từ ngày 05/12/2020, số tiền lãi trong hạn chưa trả 2.334.726 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 5.414.764 đồng.

- Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/8/2018, sau khi Ngân hàng chốt số nợ gốc, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 69.792.621 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 19/9/2023 ông Bùi Đức H chưa trả số tiền lãi trong hạn của 5 hợp đồng tín dụng nêu trên là: 3.667.926 đồng + 2.885.168 đồng + 2.575.062 đồng + 757.707 đồng + 2.334.726 đồng = 12.220.589 đồng và chưa trả số tiền lãi quá hạn của 5 hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nêu trên là: 12.916.626 đồng + 8.976.303 đồng + 8.012.978 đồng + 4.292.967 đồng + 5.414.764 đồng + 69.792.621 đồng = 109.406.259 đồng.

Xét thấy, Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng tính số tiền lãi trong hạn, quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ, Quyết định ban hành khung lãi suất huy động dành cho khách hàng cá nhân. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc ông H phải trả số tiền lãi của các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 19/9/2023 gồm: tiền lãi trong hạn là 12.220.589 đồng, tiền lãi quá hạn là 109.406.259 đồng, tổng cộng là 121.626.848 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, ông Bùi Đức H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.932.165 đồng; trả lại Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.004.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc đòi ông Bùi Đức H trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1833100217 ngày 27/11/2018; Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1835400111 ngày 20/12/2018; Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1835800105 ngày 24/12/2018; Hợp đồng tín dụng số LD1920700287 ngày 26/7/2019, Giấy nhận nợ số LD1920700287 ngày 26/7/2019; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2008700257 ngày 27/3/2020; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/08/2018.

Buộc ông Bùi Đức H phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 19/9/2023 là 318.643.319 đồng (*Ba trăm mười tám triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm mười chín đồng*), cụ thể như sau:

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1833100217 ngày 27/11/2018 gồm: nợ gốc là 49.996.104 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.667.926 đồng, tiền lãi quá hạn là 12.916.626 đồng, tổng cộng là 66.580.656 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1835400111 ngày 20/12/2018 gồm: nợ gốc là 36.129.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.885.168 đồng, tiền lãi quá hạn là 8.976.303 đồng, tổng cộng là 47.990.471 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1835800105 ngày 24/12/2018 gồm: nợ gốc là 25.288.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.575.062 đồng, tiền lãi quá hạn là 8.012.978 đồng, tổng cộng là 35.876.040 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD1920700287 ngày 26/7/2019, Giấy nhận nợ số LD1920700287 ngày 26/7/2019 gồm: nợ gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 757.707 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.292.967 đồng, tổng cộng là 15.050.674 đồng.

- Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2008700257 ngày 27/3/2020 gồm: nợ gốc là 16.672.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.334.726 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.414.764 đồng, tổng cộng là 24.421.490 đồng.

- Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/08/2018 gồm: nợ gốc là 58.931.367 đồng, tiền lãi quá hạn là 69.792.621 đồng, tổng cộng là 128.723.988 đồng.

Tổng nợ gốc là 197.016.471 đồng; tổng nợ lãi là 121.626.848 đồng, bao gồm: tiền lãi trong hạn là 12.220.589 đồng, tiền lãi quá hạn là 109.406.259 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 318.643.319 đồng (*Ba trăm mười tám triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm mười chín đồng*).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Ông Bùi Đức H phải chịu 15.932.165 đồng (Mười lăm triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.004.000 đồng (Bảy triệu không trăm linh bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003126 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Bùi Đức H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Đỗ Phương Minh